TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày: 30 – 8 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1985 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 08-4-2023 đến ngày 14-4-2023 tạm giam đến nay, tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lương Minh H** – Trợ giúp viên pháp lý

của Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh A (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Võ Văn T2**, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người làm chứng: Ông **Khưu Thanh Đ**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khóm B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 08-4-2023, lực lượng tuần tra của Công an thị trấn N kiểm tra hành chính xe mô tô biển số 68T1-100.44 do Nguyễn Văn G điều khiển tại khu vực khóm B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Qua kiểm tra phát hiện trong túi quần jean phía trước bên phải của G đang mặc có 01 bọc nilong màu trắng được hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghi ma túy); trong túi quần jean phía trước bên trái có 01 nỏ thủy tinh; trong túi quần jean phía sau bên phải có 01 nộ dụng cụ sử dụng ma túy nên lực lượng đã bắt giữ G lập biên bản, thu giữ vật chứng. G khai bọc nilong màu trắng được hàn kín là ma túy mua của người nam không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể ở xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang với số tiền 300.000 đồng, trên đường mang về để sử dụng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bọc nylon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng;

- 01 cây nỏ thủy tinh;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

- 01 xe mô tô biển số 68T1-100.44, số khung JL1P52FMH-D003113, số máy DCH0B5TT003113.

Ngày 28-4-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe trên cho ông Võ Văn T2.

Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 08-4-2023 của Công an thị trấn N xác định: Nguyễn Văn G, sinh năm 1985 dương tính với M.

Kết luận giám định số 65/KL-KTHS (MT-GT) ngày 14-4-2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận: Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,131 gam.

Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 11-4-2023 của Công an huyện T, xác định: Xe mô tô biển số 68T1-100.44 chủ xe Võ Văn T2, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tại cơ quan điều tra,

Bị cáo khai nhận: Khoảng 01 giờ ngày 08-4-2023, bị cáo có hành vi mua ma túy trên đường mang về để sử dụng thì bị lực lượng Công an thị trấn N kiểm tra hành chính phát hiện và bắt quả tang cùng với cây nỏ thủy tinh và bộ D sử dụng ma túy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 khai nhận: Xe mô tô biển số 68T1-100.44 là xe của ông, do ông đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông không biết việc bị cáo sử dụng xe của ông để mua ma túy. Hiện ông đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người làm chứng ông Khưu Thanh Đ khai nhận: Ông chứng kiến lực lượng Công an thu giữ ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo như đã nêu trên.

Đối với người nam bán ma túy cho bị cáo, chưa rõ nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục làm rõ để giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKSTS-HS ngày 05-7-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn G về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 01 đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 08-4-2023.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì thư màu trắng, niêm phong, dán kín, bên ngoài có ghi dòng chữ "Vụ: 65/KL-KTHS(MT-GT) ngày 14-4-2023, có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, bên ngoài có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H1 và Trần Quốc K bên trong có chứa mẫu vật còn lại sau giám định;

- 01 (một) cây nỏ thủy tinh;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo:

Người bào chữa thống nhất với tội danh và điều luật do Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, người bào chữa chỉ phân tích thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân và gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo không biết chữ và không được đi học từ nhỏ nên nhận thức pháp luật còn hạn

chế. Ngoài ra, bị cáo còn là lao động chính trong gia đình. Suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất trong mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Người bào chữa và không tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, nuôi dưỡng cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người làm chứng ông Khưu Thanh Đ vắng mặt không có lý do. Xét thấy ông Đ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và được công bố tại phiên tòa nên việc vắng mặt của ông Đ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyề lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 01 giờ ngày 08-4-2023, bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có trọng lượng 0,1311 (không phẩy một ba một một) gam, loại Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của bị cáo phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý đối với chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và cũng là một trong những nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được ma túy rất độc hại và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện bị cáo cố ý mua ma túy về cất giấu sử dụng, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, đấu tranh, phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 " *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, bản thân thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Người bán ma túy cho bị cáo, do chưa xác định nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục làm rõ để giải quyết theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) phong bì thư màu trắng, niêm phong, dán kín, bên ngoài có ghi dòng chữ "Vụ: 65/KL-KTHS(MT-GT) ngày 14-4-2023, có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, bên ngoài có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H1 và Trần Quốc K bên trong có chứa mẫu vật (ma túy) còn lại sau giám định;

- 01 (một) cây nỏ thủy tinh;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

Đây là công cụ, phương tiện phạm tội; vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển số 68T1-100.44, số khung JL1P52FMH-D003113, số máy DCH0B5TT003113.

Đây là tài sản của ông T2, ông T2 không biết việc bị cáo sử dụng xe của ông để mua ma túy, Cơ quan điều tra – Công an huyện T đã trả lại xe cho ông T2 là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Xét lời bào chữa của người bào chữa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở như đã phân tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-4-2023.

2. Vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì thư màu trắng, niêm phong, dán kín, bên ngoài có ghi dòng chữ "Vụ: 65/KL-KTHS(MT-GT) ngày 14-4-2023, có đóng dấu tròn

màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, bên ngoài có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H1 và Trần Quốc K bên trong có chứa mẫu vật (ma túy) còn lại sau giám định;

- 01 cây nỏ thủy tinh;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20-7-2023).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THAHS huyện Thoại Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi